

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/DS-ST

Ngày: 15-11-2017

*“V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;

2. Ông RChâm Dương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện R, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T1; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 31-5-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 18-3-2016, ông Võ Văn T1 có nhận của bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng, tiếp đến ngày 23-4-2016 ông T1 nhận tiếp của bà T số tiền 40.000.000 đồng, ông T1 hứa hẹn đến ngày 30-9-2016 sẽ xin được việc cho con trai bà T là Đặng Tuấn V, trường hợp đến ngày đã thỏa thuận mà ông T1 chưa xin được việc cho cháu V thì ông T1 phải hoàn trả lại số tiền đã nhận cho bà T, tuy nhiên đến nay ông T1 vẫn không xin được việc cho con bà T, đồng thời không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T. Vào ngày 26-01-2017 ông T1 hẹn đến ngày 07-02-2017 sẽ trả đủ số tiền đã nhận nêu trên cho bà T, nhưng ông vẫn không thực hiện. Tiếp tục đến ngày 07-4-2017 ông T1 có lập cho

bà T một “Giấy hẹn trả tiền”, theo đó ông T1 hẹn đến ngày 17-4-2017 sẽ trả đủ tiền gốc, trường hợp đến thời điểm trả nợ mà ông T1 vẫn chưa trả đủ tiền thì phải chịu lãi suất với mức lãi suất là 0,95%/tháng kể từ thời điểm nhận tiền. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc ông T1 phải trả số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 18-4-2017 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

2. Tòa án đã thực tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Võ Văn T1 đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Võ Văn T1 cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Võ Văn T1.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc đơn khởi kiện đề 31-5-2017 của bà Nguyễn Thị T; bản sao sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị T; bản sao chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị T; bản photo giấy nhận tiền ngày 18-3-2016; bản photo giấy hẹn trả tiền ngày 07-4-2017; bản gốc bản tự khai ngày 10-7-2017 của bà Nguyễn Thị T; bản gốc bản tự khai ngày 10-7-2017 của anh Đặng Tuấn V; bản gốc đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ ngày 06-7-2017 của bà Nguyễn Thị T; bản gốc giấy nhận tiền ngày 18-3-2016; bản gốc giấy hẹn trả tiền ngày 07-4-2017; 02 bản gốc biên bản xác minh ngày 10-7-2017 của Tòa án nhân dân huyện G;

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn Võ Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Mặc dù các bên xác lập giao dịch từ ngày 18-3-2016, tuy nhiên đến ngày 07-4-2017 các bên lại tiếp tục lập “Giấy hẹn trả tiền” nên pháp luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Võ Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà bà Nguyễn Thị T cung cấp là giấy nhận tiền ngày 18-3-2016 và giấy hẹn trả tiền ngày 07-4-2017 thể hiện ngày 18-3-2016, ông Võ Văn T1 có nhận của bà Nguyễn Thị T số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 23-4-2016 ông T1 nhận

tiếp của bà T số tiền 40.000.000 đồng, mục đích là ông T1 sẽ xin việc làm cho con trai của bà T là anh Đặng Tuấn V, tuy nhiên ông T1 không xin được việc làm cho anh V, nên ông T1 hẹn đến ngày 17-4-2017 sẽ trả đủ tiền nợ là 60.000.000 đồng. Như vậy số tiền nợ đã đến hạn phải trả, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Võ Văn T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về số tiền lãi: Tại “Giấy hẹn trả tiền” đề ngày 07-4-2017, ông Võ Văn T1 cam kết hẹn đến ngày 17-4-2017 sẽ trả đủ tiền nợ là 60.000.000 đồng, trường hợp đến thời điểm trả nợ mà ông T1 vẫn chưa trả đủ tiền thì phải chịu lãi suất với mức lãi suất là 0,95%/tháng kể từ thời điểm nhận tiền; tuy nhiên bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ thời điểm chậm trả (ngày 18-4-2017) cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (ngày 15-11-2017), như vậy lãi suất qua hạn mà nguyên đơn yêu cầu không vượt quá lãi suất theo theo điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Từ ngày 18-4-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-11-2017) là 06 tháng, 28 ngày. Tiền lãi là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0,95\%/\text{tháng}) + (60.000.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} \times 0,03167\%/\text{ngày}) = 3.952.056 \text{ đồng}$ (Ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

[4] Về số tiền phải trả: Tổng số tiền mà ông Võ Văn T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 63.952.056 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.952.056 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng). Số tiền trên đã đến hạn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền nói trên.

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 278, Điều 280, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Võ Văn T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (Ngày 15-11-2017) là 63.952.056 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 3.952.056 đồng (Ba triệu chín trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Võ Văn T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.197.602 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm linh hai đồng); bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.671.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000358 ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Lưu HSVA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính